**Môn: Toán, lớp 2**

**Bài: PHÉP CỘNG KHÔNG NHỚ TRONG PHẠM VI 1000 (TIẾP THEO); Tiết 146**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết thực hiện phép cộng không nhớ trong phạm vi 1000 bằng cách đặt tính.

- Biết cộng nhẩm các số tròn trăm.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu (nếu có). SGK, SGV.

**2. Học sinh:** SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **5’****27’****3’** | **1. Hoạt động mở đầu**- Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài học mới.- GV tổ chức cho HS hát bài hát.- GV dẫn dắt vào bài học.**2. Hoạt động Luyện tập thực hành*****\* Bài 1: Tính nhẩm***- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập- GV hướng dẫn HS thực hiện theo mẫu để tính nhẩm, xem trăm là đơn vị đếm.Như vậy: 600 + 100GV nêu: 6 trăm + 1 trăm = 7 trăm600 + 100 = 700- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập vào VBT, lưu ý 10 trăm = 1 nghìn.- GV mời HS trình bày kết quả. - HS và GV nhận xét, tuyên dương.***\* Bài 2: Tính***- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.- GV mời HS trình bày kết quả.- GV nhận xét một số vở, tuyên dương.***\* Bài 3: Số?***- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập.- GV cho HS quan sát, nhận biết ba số liên kết với nhau theo các đường nối sẽ tạo thành sơ đồ tách - gộp: số trên là tổng hai số ngay dưới nó.◦ Ví dụ: 656 + 100 = 756.- GV yêu cầu HS cùng hợp tác trong nhóm để hoàn thành bàì tập, lưu ý chỉ tìm được số trên khi biết cả hai số ngay dưới.- GV mời HS trình bày kết quả, khuyên khích HS nêu lại cách tính.- HS và GV nhận xét, mở rộng giới thiệu:+ Vai trò của hàng hải đối với nước ta.+ Công dụng của các thùng chứa hàng.***\* Bài 4:*** - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập- GV hướng dẫn HS thực hiện:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- GV yêu cầu HS thực hiện thao tác gộp cả hai tàu để có kiện hàng tất cả.- GV mời HS trình bày kết quả. - HS và GV nhận xét, tuyên dương.***\* Bài 5: Số?***- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập- GV yêu cầu HS trao đổi cách làm trong nhómđể tìm quãng đường từ cảng Sa Kỳ đến cảng Gianh (đi qua cảng Tiên Sa).- GV mời HS nêu phép tính và câu trả lời.- GV mời HS trình bày kết quả. - HS và GV nhận xét, tuyên dương, giới thiệu về 3 cảng: Cảng Sa Kỳ là cảng biển và cũng là một trong năm cửa biển của tỉnh Quảng Ngãi. Là cảng đưa đón khách ra đảo Lý Sơn. Cảng Tiên Sa là một cảng biển tại thành phố Đà Nẵng. Sông Gianh là một biểu trưng địa lí của tỉnh Quảng Binh. Cửa sông có cảng biển gọi là Cảng Gianh.***\* Đất nước em***- GV yêu cầu HS tìm vị trí tỉnh Quảng Ngãi, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Bình trên bản đồ (SGK trang 114).- HS và GV nhận xét, tuyên dương.***\* Hoạt động thực tế***- GV yêu cầu HS ngoài 3 cảng được nêu trong bài 5, em hãy tìm thêm tên vài cảng biển khác ở nước ta.- HS và GV nhận xét, tuyên dương.**3. Hoạt động nối tiếp**- GV hỏi: Hôm này chúng ta học được điều gì?- Chia sẻ với người thân những điều đã học.- GV nhận xét tiết học, tuyên dương, chuẩn bị bài học sau. | - HS hát. - HS lắng nghe.- HS nêu.- HS quan sát, lắng nghe- HS thực hiện.- HS trình bày.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS nêu.- HS thực hiện.- HS trình bày.- HS lắng nghe.- HS nêu.- HS lắng nghe.- HS thực hiện.- HS trình bày.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS nêu.- HS trả lời:+ Tàu thứ nhất chở 150 kiện hàng. Tàu thứ hai chở 223 kiện hàng.+ Cả hai tàu chở bao nhiêu kiện hàng?- HS thực hiện:Bài giải:Số kiện hàng cả hai tàu chở tất cả:150 + 223 = 373 (kiện hàng)Đáp số: 373 kiện hàng.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS nêu.- HS lắng nghe, thực hiện, trả lời: 134 + 235 = 369 Trả lời: Quãng đường từ cảng Sa Kỳ đến cảng Gianh (đi qua cảng Tiên Sa) dài 369 km.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS lắng nghe, thực hiện.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS lắng nghe, thực hiện.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS trả lời, lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………